

PHẠM VIẾT CHÁNH và nỗi đau mất thành An Giang

Bùi Thụy Đào Nguyên

Phạm Viết Chánh (1) (Giáp Thân 1824-Bính Tuất 1886), là một danh sĩ và là Án sát tỉnh An Giang vào năm Bính Dần (1866) dưới triều vua Tự Đức.

Ông người làng Lương Mỹ (tục gọi Mỹ Lồng), huyện Bảo Hựu, phủ Hoằng Trị, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

Gia cảnh của ông không rõ, chỉ biết vào năm Bính Ngọ 1846, ông đỗ Cử nhân được bổ làm quan ở Gia Định, từng trải qua cuộc kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp trong suốt các năm 1859 - 1862.

Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (ngày 5 tháng 6 năm 1862), triều đình Huế giao cho Pháp ba tỉnh miền Đông, gồm Biên Hoà, Gia Định, Định Tường và Côn Đảo; ông bị điều động ra Huế làm việc, thăng dần đến chức Ngự sử đạo Hải Yên.

Năm Giáp Tý 1864, Phạm Viết Chánh xin trở vào Nam Kỳ lo việc mộ dân khẩn ruộng ở ba tỉnh miền Tây, cốt để xây dựng cơ sở chống Pháp; và ông được triều đình bổ nhiệm làm Doanh điền sứ tỉnh An Giang.

Năm Bính Dần (1866) ông chuyển sang làm Án sát tỉnh An Giang. Vì thế, dân chúng vùng miền này quen gọi ông là “cụ Án Doanh điền”.

Ngày 28 tháng 3 năm Đinh Mão (1867), không muốn hài cốt thầy Võ Trường Toản nằm lại trong vùng Pháp chiếm (Gia Định), Phạm Viết Chánh cùng với một số sĩ phu ở Gia Định, trong đó có Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông, Trương Gia Hội... đã cải táng thầy về làng Bảo Thạnh, nay thuộc xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nhưng cũng năm này, vào ngày 20 tháng 6, quân Pháp tiến chiếm Vĩnh Long. Hôm sau, ngày 21 tháng 6 Pháp đưa tàu chiến đến Châu Đốc, bắt buộc ông, Tuần phủ Nguyễn Xuân Ý và Bộ chính Nguyễn Hữu Cơ phải nạp thành trì...

Để mất tỉnh An Giang, vào ngày 25 tháng 3 năm Mậu Thìn (17 tháng 4 năm 1868), cả ba ông đều bị triều đình “ghép vào luật đánh một trăm roi, đày đi xa ba nghìn dặm”.

Nhưng bản án dành cho Phạm Viết Chánh không thi hành được, vì lúc bấy giờ ông đang lâm bệnh nặng, nên được ở lại quê nhà để điều trị và ông đã xin ở ẩn luôn.

Ngày 22 tháng giêng năm Bính Tuất (25 tháng 2 năm 1886), ông mất ở Mỹ Lồng (Bến Tre), thọ 62 tuổi.

Trước năm 1975, GS Trịnh Văn Thanh viết:

“Không những có tài văn chương, Phạm Viết Chánh còn là một nhà cai trị thanh liêm và đức độ. Thương tiếc đại thần Phan Thanh Giản đã hết lòng vì nước vì dân, mà đến giờ phút lâm chung vẫn không quên điều tiết nghĩa của kẻ sĩ phu...ông đã viết câu ai điếu và một bài thơ khóc cho người trung liệt.

Trích thơ:

Điều Lương Khê

*Phan công tiết nghĩa sánh cao dày,
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may.
Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Tan mình vì nước quỷ thần hay.
Tuyệt lương một tháng, cây xanh mặt
Bị trách ba phen, lửa đỏ mày.
Chỉ sợ sử thần biên chẳng rõ,
Tám lòng ám ức phải thày lay.*

Nguyễn Liên Phong, tác giả Điều cỗ hạ kim, bản in năm 1915, phần Điều cỗ, có thơ viết về ông:

*Cuộc đời dâu bể nghĩ thon von
Chạnh nhớ người xưa tiếng hầy còn.*

*Ngòi viết chẳng rời bên đĩa mực,
Mão đai từng dựa chốn đài son.
Vẹn tròn ngay thảo niêm tôi chúa,
Đông đảo sang giàu phận rể con.
Hoàng Trị gương thơm ngời dấu để
Lâu dài phước đức sánh tà non.*

Trong Văn Thánh Miếu Vĩnh Long ở tại làng Long Hồ, tổng Long An, huyện Vĩnh Bình, nay thuộc phường 4 thị xã Vĩnh Long; ở gian bên hữu thờ các đại thần, trong số đó có tên Phạm Viết Chánh.

* * *

“Phạm Viết Chánh không những có tài văn chương, mà còn là một nhà cai trị thanh liêm và đức độ”. Câu này đáng ghi trong các sách "giáo khoa dạy làm quan".

Việc để mất thành trì ở giai đoạn đó, có nhiều nguyên nhân, không phải do một người, đã được các nhà sử học kết luận qua vụ việc của Phan Thanh Giản. (Phan Thanh Giản đã được minh oan, sau một thời gian dài bị các “sử quan ăn cơm vua” cố tình vuì lấp).

Hôm đến viếng Đài liệt sĩ bên chân núi Sam (Châu Đốc), bất chợt tôi trông thấy tên Phạm Viết Chánh lẫn trong trang sử buồn thảm của nơi biên cảnh này, điều đó đã khiến tôi muốn tìm hiểu về ông.

Ông đã làm bài thơ khóc cho người trung liệt là Phan Thanh Giản, có phải cũng là để khóc cho ông?..

Và tôi viết soạn bài này cũng chỉ để:

*“Chỉ sợ sử thần biên chẳng rõ,
Tấm lòng ảm ức phải thày lay”.*

Bùi Thụy Đào Nguyên.

Long Xuyên, ngày 21 tháng 9 năm 2008.

Chú thích:

(1) Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế ghi tên là Phạm Hữu Chánh (Từ điển nhân vật lịch sử VN, Nxb KHXH, 1992).

Nguồn: <http://www.todiep.com>